

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG-TMDV JGCS LONG SƠN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG-TMDV JGCS LONG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG SON JGCS TMDV-CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LONG SON JGCS TMDV-CI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3502417610

3. Ngày thành lập: 24/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 1, Xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0869299963

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình thủy	4291
2.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
3.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
5.	Phá dỡ	4311
6.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R2 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11.	Bán mô tô, xe máy	4541
12.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
13.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
16.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
17.	Bán buôn thực phẩm	4632

18.	Bán buôn đồ uống	4633
19.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
20.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Không bao gồm được phẩm và dụng cụ y tế.(trừ kinh doanh được phẩm).	4649
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
27.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4662
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
30.	Bán buôn tổng hợp (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng lpg, dầu nhớt cặn, vàng miếng, sung, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí;	4690
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
34.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
35.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
36.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Vận tải đường ống	4940
41.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
42.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
43.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45.	Bốc xếp hàng hóa	5224
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225

47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày , Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.	5510
48.	Cơ sở lưu trú khác (không hoạt động tại trụ sở)	5590
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
52.	Xuất bản phần mềm	5820
53.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản.	6820
55.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
58.	Quảng cáo	7310
59.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
60.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
61.	Cho thuê xe có động cơ	7710
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
63.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
64.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
65.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành.	7911
66.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	7912
67.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
68.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
69.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
70.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
71.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
74.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
75.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
76.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng – Đoàn thể).	8559
77.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
78.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
79.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
80.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
81.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
82.	Khai thác gỗ	0220
83.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
84.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
85.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
86.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
87.	Khai thác và thu gom than non	0520
88.	Khai thác dầu thô	0610
89.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
90.	Khai thác quặng sắt	0710
91.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
92.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
93.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
94.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
95.	Khai thác muối	0893
96.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
97.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
98.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
99.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
100.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
101.	Sản xuất chè	1076
102.	Sản xuất cà phê	1077
103.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
104.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
105.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

106.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
107.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
108.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
109.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
110.	Sản xuất giày, dép	1520
111.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
112.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
113.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
114.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
115.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
116.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
117.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
118.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
119.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
120.	Đúc sắt, thép	2431
121.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
122.	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Cụ thể: - Sản xuất tụ điện, điện tử; - Sản xuất điện trở, điện tử; - Sản xuất bộ mạch vi xử lý; - Sản xuất bo mạch điện tử; - Sản xuất ống điện tử; - Sản xuất liên kết điện tử; - Sản xuất mạch điện tích hợp; - Sản xuất ống hai cực, bóng bán dẫn, bộ chia liên quan; - Sản xuất phân cảm điện (cuộn cảm kháng, cuộn dây, bộ chuyển), loại linh kiện điện tử; - Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể; - Sản xuất solenoit, bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi cho các bộ phận điện tử; - Sản xuất chất bán dẫn, sản xuất chất tinh chế và bán tinh chế; - Sản xuất thẻ giao diện (âm thanh, video, điều khiển, mạng lưới); - Sản xuất cấu kiện hiển thị (plasma, polime, LCD); - Sản xuất bóng đèn di-ot phát sáng (LED); - Sản xuất cáp máy in, cáp màn hình, cáp USB..	2610
123.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
124.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

125.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất mô tơ, máy phát Sản xuất máy biến đổi phân phối điện; - Sản xuất máy chuyển đổi hàn bằng một cung lửa điện; - Sản xuất đá balat huỳnh quang (như máy biến thế); - Sản xuất máy phát điện (trừ máy khởi động đốt cháy nội sinh); - Sản xuất máy phát điện (trừ máy dao điện nạp pin cho máy đốt cháy nội sinh); - Sản xuất bộ phát điện (trừ các bộ phát điện tubin). 27102: Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Nhóm này gồm: - Sản xuất máy chuyển đổi phụ, phân phối năng lượng điện; - Sản xuất máy điều chỉnh truyền và phân phối điện; - Sản xuất bảng kiểm soát phân phối điện; - Sản xuất máy tách mạch điện, năng lượng; - Sản xuất bảng điều khiển, phân phối năng lượng điện; - Sản xuất ống dẫn cho máy tổng đài điện cơ; - Sản xuất cầu chì, điện; - Sản xuất thiết bị chuyển năng lượng; - Sản xuất bộ chuyển, năng lượng điện (trừ nút bấm, khoá, sôlênôit (cuộn dây kim loại trở nên có từ tính khi có dòng điện đi qua cuộn dây đó), lẫy khoá); - Sản xuất bộ phát điện chuyển căn bản; - Cuộn lại lõi trong các nhà máy.	2710
126.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
127.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
128.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
129.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
130.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
131.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
132.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
133.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
134.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
135.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
136.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

137.	Sản xuất điện Chi tiết: Thủy điện - Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng nước; Nhiệt điện than - Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ than đá; Nhiệt điện khí - Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ khí thiên nhiên; Điện hạt nhân - Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng hạt nhân; Điện gió - Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng gió; Điện mặt trời - Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời; Điện khác - Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ các dạng năng lượng khác, chưa được phân vào đâu: sóng biển, thủy triều, diezen.	3511(Chính)
138.	Truyền tải và phân phối điện	3512
139.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
140.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
141.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
142.	Thu gom rác thải độc hại	3812
143.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
144.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
145.	Tái chế phế liệu	3830
146.	Xây dựng nhà để ở	4101
147.	Xây dựng nhà không để ở	4102
148.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
149.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
150.	Xây dựng công trình điện	4221
151.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
152.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
153.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
154.	Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 79.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 7.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG DANH	thôn Tam An , Xã Sa Sơn, Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.580.000	15.800.000.000	20,000	233241895	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.580.000	15.800.000.000	20,000		
2	CHÂU PHÚ LỘC	thôn 1, Xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.580.000	15.800.000.000	20,000	273072755	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.580.000	15.800.000.000	20,000		

3	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Ấp Bình Phú, Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.580.000	15.800.000.000	20,000	271427018
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.580.000	15.800.000.000	20,000	
4	TRẦN THỊ DIỆU	thôn 3, Xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.580.000	15.800.000.000	20,000	077188002733
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.580.000	15.800.000.000	20,000	
5	PHẠM VĂN NGỌC	thôn 2, Xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.580.000	15.800.000.000	20,000	273448415
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.580.000	15.800.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

c tịch: *Việt Nam*

Tum

Huyền Sa Thầy, T

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Vũng Tàu